

Nhà vua ra đi cách chỗ Đức Phật năm dặm thì cho binh lính dừng lại.

Trong nước này có vị cao niên, thọ một trăm hai mươi tuổi, tên Tu-bạt¹. Bây giờ đang đêm khuya, ông chợt thức giấc vì thấy hào quang của Phật chiếu sáng cả thành. Nhà lại không có ai, ông liền đi ra khỏi thành bước nhanh về chỗ Đức Phật, thưa với Tôn giả A-nan:

“Vì tôi mới được nghe biết về việc Đức Thế Tôn sắp nhập Nê-hoàn, tâm tôi có chỗ nghi ngờ muốn được nêu bày với Đức Thế Tôn.”

Tôn giả A-nan đáp:

**“Đã gần nửa đêm, Phật sắp vào Nê-hoàn, chớ nên làm
phiên Ngài.”**

Tu-bạt thưa lại:

“Vậy tôi không thể được lãnh hội gì chăng? Tôi nghe nói hàng vô số kiếp mới có một Đức Phật ra đời. Nay tôi đến đây là để thưa hỏi về chỗ còn nghi ngờ mà chỉ có Đức Phật mới giải thích được.”

Tôn giả A-nan bảo:

“Thôi đi, không nên hỏi nữa.”

Đức Phật biết Tu-bạt đang ở bên ngoài muốn thưa hỏi về chỗ nghi ngờ, nên gọi Tôn giả A-nan:

“Sao lại không cho Tu-bạt vào để nêu bày về chỗ còn nghi ngờ ấy?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Con thấy đã gần nửa đêm, Phật sắp diệt độ, con sợ ông ta vào chỉ làm phiền cho Phật. Nay Ngài sắp bỏ Dục giới ba cõi để nhập vào cõi Vô vi.”

Đức Phật dạy:

“Hãy để cho ông ấy vào.”

Tôn giả A-nan liền đưa Tu-bạt vào. Biết mình được vào gặp Phật, ông ta vô cùng sung sướng, toàn thân rung động, bước đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ. Đức Phật thấy Tu-bạt tuổi cao, hơi thở yếu ớt, bèn chỉ ghế bảo ngồi. Đức Phật hỏi Tu-bạt:

“Ông có những nghi ngờ gì?”

Thưa:

¹. Tu-bạt-đa-la 須跋多羅; No. 2(3) sdd.: Tu-bạt-đa-la 須跋多羅; Pāli: Subhaddaparibbājaka, du sĩ Subhada.

“Đức Phật là vị Trời trên các Trời trong ba cõi, thần thánh không thể lường được, là Đấng Chí Tôn không gì sánh bằng; đã khai thị giáo hóa, dẫn dắt muôn loài trong bốn mươi chín năm, Tiên thánh, Phạm vương, Đế Thích không ai là không kính lễ. Con có tám người đồng chí hướng, đó là Cố-quy thị, Vô-tiên thị, Chí-hành thị, Bạch-lộ-tử thị, Diên-thọ thị, Kế-kim-phân thị, Đa-tích-nguyên thị và Ni-kiền Tử². Đó là tám người thuộc loại có trí tuệ, nhưng đấy chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt, khéo che đậy cuộc sống sung mãn, râu tóc tuy mượt mà nhưng trong lòng chứa đầy ba độc, bên ngoài thì chạy theo dục lạc, ngồi lại thì bàn toàn chuyện xa vời, thư tịch hư dối, nói điều không thật, chẳng đưa đến chánh đạo, vậy đó là duyên gì?”

Đức Phật bảo Tu-bạt:

“Ý nghĩa nơi kinh của họ trái với kinh của Phật. Đó là con đường sanh tử, chỉ là để mong cầu phú quý. Chí của đạo ta là dứt mong cầu, niệm Không, không đua theo vinh hoa của thế gian, thanh tịnh vô vi, lấy điều ấy làm vui.”

Tu-bạt thưa:

“Sao gọi là đạo Vô vi?”

Đức Phật dạy:

“Diệt trừ mọi hệ lụy của sanh tử trở về cội nguồn, không còn bị sanh tử nữa, đó là Vô vi. Chí hướng của những người kia đều có tám thứ ác. Những gì là tám? Thờ cúng quỷ thần, bói quẻ, đối trá giết hại, đó là một.

“Đối với những người trong gia đình thì tham lam keo kiệt, không phụng thờ đạo hiếu, tham ái đủ thứ một cách tà vạy mà dục vọng vẫn

² Danh saùch caùc toâng sô giaùo toả ñông thôøi: Coá-quy thò 故龜氏, Voâ-tieân thò 無先氏, Chí-haønh thò 志行氏, Baìch-loä-tôu thò 白鷲子氏, Dieân-thoï thò 延壽氏, Keá-kim-phaøn thò 計金樊氏, Ña-tích-nguyeân thò 多積願氏 vaø Ni-kieàn Tôu 尼犍子. Tham chieáu baùn No.1(3) chæ coù saùu vò, nhö caùc oâng Phaát-lan Ca-dieäp 弗闍迦葉 (Pāli: Pūraṇa-Kassapa). Mãc-giaø-leâ Kieâu-xaù-lôii 末伽梨憍舍利 (Pāli: Makkhali-Gosala). A-phuø-ñao Sí-xaù-kim-baít-la 阿浮陀翅舍金拔羅 (Pāli: Ajita-Kesakambalā). Ba-phuø Ca-chieân 波浮迦旃 (Pāli: Pakudha-Kaccāyana). Taùt-nhaõ Tyø-da-leâ-phaát 薩若毗耶梨弗 (Sañjaya Belatṭhi-Putta). Ni-kieàn Tôu 尼乾子 (Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta) .

chưa dừng. Đó là thứ hai.

“Nói hai lưỡi, nói lời ác độc, mắng nhiếc, nói dối, nói thêu dệt, chưa từng nêu bày điều thiện khiến cho kẻ ngu si bỏ điều ác. Đó là thứ ba.

“Sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Đó là thứ tư.

“Thường ôm lòng oán hận, bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn anh em, vợ con, dòng họ, tâm tà vạy làm điều ô uế, không khéo giáo hóa, dẫn dắt, thường tự kiêu, tự đại muốn cho người ta sợ mình, kính mình. Đó là thứ năm.

“Ngày đêm ôm lòng tà, không sợ pháp luật, khinh chê bậc Hiền thiện, tôn quý kẻ ô trược, xa lìa người chân chánh, giao thiệp với người ác. Đó là thứ sáu.

“Nghe nói có bậc Hiền trí, Sa-môn, Phạm chí hiểu kinh thì hoài nghi, ganh ghét, hủy báng một cách hư ngụy. Đó là thứ bảy.

“Không tôn kính tiên tổ và không hết lòng hiếu thảo với cha mẹ; không tôn kính bậc hiền minh mà đua theo kẻ phản tặc; hủy bỏ điều nhưn từ chân chánh; mê muội chạy theo thế tục ô trược, đáng xấu hổ. Đó là điều ác thứ tám.

“Ông tự nói rõ ra rằng Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh bốn mươi chín năm, mà tám người ấy không đến để mong được giáo hóa. Họ là những người ôm giữ tám điều ác này, há lại thích được giáo hóa theo con đường thanh tịnh sao? Nếu họ có chính thức đến thì Phật cũng nhổ sạch tám sự xấu ác ấy trong tâm của ông. Vậy hãy thận trọng chớ có hời Phật. Nếu giữ tám giới này³ thì có thể chứng được bốn đạo Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn, Ứng chơn⁴. Thực hành tám giới này thì tâm mình phải chân chánh, đó mới là Phật tử. Nếu có kẻ phàm phu chuyên làm bậc thầy dẫn đường, đứng đầu việc giáo hóa mà phạm tám giới này thì đều là kẻ yêu tinh, độc hại, hãy nên xa lánh, từ bỏ, cẩn thận chớ nghe lời dụ dỗ.⁵”

Đức Thế Tôn bảo:

³. Theo bản No.1(3), đây Phật nói về tám Thánh đạo.

⁴. Còn gọi là Dự lưu 預流; Pāli: Sotāpanna. Nhất lai 一來; Pāli: Sakadāgāmin. Bất hoàn 不還; Pāli: Anāgāmin. A-la-hán 阿羅漢; Pāli: Arahant. (dịch là Tu-đà-hoàn 須陀洹, Tu-đà-hàm 斯陀含, A-na-hàm 阿那含, A-la-hán 阿羅漢).

⁵. Đại ý, theo No.1(2) và bản Pāli, Phật giảng cho Tu-bạt, vì các nơi khác không có tám Thánh đạo, nên không có các quả Thánh.

“Nay Ta ở trong ba cõi, chỉ một mình, giảng nói và hành hóa Chánh pháp không có người thứ hai sánh bằng. Nếu có điều gì còn nghi ngờ cứ hỏi, đừng ngại.”

Tu-bạt quỳ mọp, cúi đầu, bạch:

“Đúng như Phật nói. Con gần như để mất thân mình, lại còn rơi vào nẻo ngu si, cuồng loạn.”

Đức Thế Tôn lại nói:

“Ông đã hiểu tám giới này chưa?”

Thưa:

“Đã hiểu”.

Ông lại cúi đầu thưa:

“Con muốn từ bỏ chí thấp kém của mình để xin giữ lấy hạnh thanh tịnh của hàng Sa-môn.”

Đức Thế Tôn lại nói:

“Ông thành tâm chăng?”

Thưa:

“Mong Phật rũ lòng thương xót, cho con được làm Sa-môn.”

Râu tóc Tu-bạt liền tự rụng xuống đất, mình đắp ca-sa, tâm dốc suy tư về điều Phật dạy, bỗng nhiên dứt hết mọi tưởng niệm, nhất tâm thanh tịnh, giống như hạt ngọc minh nguyệt, liền đạt đạo quả Ứng chơn. Ông lại tự suy nghĩ:

“Ta không nên để Thầy ta nhập Nê-hoàn trước.”

Ngay khi đó ông liền nhập Nê-hoàn.

Đức Phật gọi các Tỳ-kheo vào nói:

“Sau khi Ta diệt độ, nếu có người thế tục bỏ nhà, dứt trừ mọi cấu nhiễm, muốn làm Sa-môn, gia nhập vào hàng ngũ Tỳ-kheo Tăng, trước hết phải thử thách trong ba tháng để biết chí nguyện của kẻ ấy cao hay thấp⁶.”

“Ở thế gian có bốn loại người:

“1. Hạng nghèo khổ không thể tự sinh sống được, nên muốn làm Tỳ-kheo.

⁶ Đoạn này trái ngược với No.1(2) và bản Pāli, theo đó, trước kia Phật quy định các tu sĩ ngoại đạo muốn xuất gia thọ Tỳ-kheo, phải cho bốn tháng biệt trú để tìm hiểu tâm chí. Sau Phật Niết-bàn, quy định ấy nên bỏ.

“2. Hạng bị nợ nần không thể trả được cho nên muốn làm Tỳ-kheo.

“3. Hạng đang ở trong quân đội, nhưng lúc đó không cần thiết nữa, cho nên muốn làm Tỳ-kheo.

“4. Hạng là bậc cao sĩ đức hạnh thanh tịnh, nghe rằng trong vô số đời mới có một Đức Phật xuất hiện, lại được xem kinh điển của Phật, vô cùng vui mừng, tâm đã thức tỉnh, bỏ nhà, bỏ dục, không ham sự vinh hoa của thế gian, để làm Tỳ-kheo.

“Sau khi Ta nhập Nê-hoàn rồi, hề có người đến xin xuất gia tu tập hãy xem chí hướng của người ấy, nhìn xem lúc ngồi lúc đứng, để ý về lời nói, quán sát lúc đi bộ, biết được hành động kẻ ấy hướng về thiện hay ác, dụng tâm cầu đạo có thích tinh tấn không? Xét kỹ trong ba tháng, nếu thấy kẻ ấy chí cao, hạnh thanh tịnh, có thể thừa chúng cho làm Tỳ-kheo. Thân đã làm Tỳ-kheo rồi phải chọn bậc kỳ cựu thông tỏ giới luật để làm thầy. Thọ trì mười giới⁷, tuân giữ giới trong ba năm, siêng năng không biếng trễ, các bậc Hiền thiện đều có thể chấp nhận trao cho vị ấy hai trăm năm mươi giới⁸, mười giới là căn bản, hai trăm bốn mươi giới là lễ nghi. Nếu ở đời sau này dốc lòng thi hành pháp ấy thì trời, thần các bậc đều luôn cung kính, hoan hỷ. Đối với giới pháp của Phật, các Tỳ-kheo phải suy tư thật kỹ, không được cho là Phật đã nhập Nê-hoàn rồi thì sinh lười biếng, làm điều trái với pháp. Những việc làm của Đức Phật, các đệ tử phải nên nhớ nghĩ, lãnh hội, kẻ lớn người nhỏ kính nhường lẫn nhau, không được làm trái đạo nghĩa. Nếu ai không ưa thích đặc đạo, ham chuộng sự tôn vinh thì nên đọc kinh này. Ai muốn cầu sống lâu, muốn sanh lên cõi trời hãy đọc kinh này. Nhưng chủ đích quan trọng nhất của Đức Phật là hướng về đạo giải thoát. Sau khi ta nhập Nê-hoàn, đừng để vì Phật mất rồi mà nói là không có chỗ nương tựa. Hãy nương tựa vào giới, kinh. Sau khi ta nhập Nê-hoàn rồi, hãy tôn kính cúng dường lẫn nhau. Hãy xem kinh, thờ giới, giữ hai trăm năm mươi giới, nên thay nhau cung kính phụng trì, giống như con hiếu thảo phụng sự cha mẹ. Những Tỳ-kheo trưởng thượng phải dạy cho kẻ hậu học, giống như lúc ta còn tại thế. Hàng Tỳ-kheo đi sau nếu bị bệnh tật thì các Tỳ-kheo kỳ cựu phải lưu tâm săn sóc, thăm hỏi tin tức. Người đọc giáo lý, hiểu giáo lý, hãy dạy bảo trong sự hòa thuận, nên dốc thọ trì giới của Phật, để đạo ta được trụ thế lâu dài.

7. Sa-di giới 沙彌戒.

8. Tỳ-kheo giới 比丘戒; cũng gọi là Cụ tuộc giới 具足戒 (Upasampadā).

“Ta nhập Nê-hoàn rồi, hàng vợ con của các bậc Hiền thiện, tìm hiểu, sau đấy thì nhớ nghĩ: ‘Đời của ta có Phật, có kinh điển vi diệu. Đức Phật ở thế gian vừa mới nhập Nê-hoàn. Chúng ta đều có lòng chí hiếu đối với Đức Phật, hết lòng đối với kinh.’ Những người ấy đến lúc mạng chung đều được sanh lên trời. Các người đừng cho là Ta đã mất rồi thì không phụng hành kinh giới. Cần thận chớ có biếng trễ, kiêu mạn.

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy nhìn kỹ dung mạo của Phật. Phật không dễ gặp được. Sau mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm (1.570.600.000) mới có Phật ra đời. Ở đời khó gặp Phật, kinh pháp khó được lãnh hội, chúng Tăng khó được nghe biết. Chỉ có Phật là khó thấy.

“Trong cõi Diêm-phù-đề có loại cây được tôn quý tên là Ưu-đàm-bát⁹, có quả mà không hoa. Cây Ưu-đàm-bát hễ có hoa vàng thì thế gian mới có Phật ra đời. Ngay bây giờ Ta sẽ Bát-nê-hoàn, các người đối với kinh nếu có điều nghi ngờ gì thì đang lúc Phật còn tại thế sẽ giải thích cho. Nay các mối nghi không được giải tỏa thì về sau sẽ gây tranh cãi kéo dài. Đang lúc Ta còn, hãy mau hỏi những chỗ còn hồ nghi.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở phía sau Đức Phật, cúi đầu thưa:

“Từ lúc Đức Phật chỉ dạy đến giờ, các Tỳ-kheo Tăng không có nghi ngờ gì cả. Đệ tử tự nói: ‘Chúng con không có nghi ngờ gì đối với Đấng Thiên Trung Thiên’.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đã gần nửa đêm, chớ nên gây tiếng động.”

Đức Phật liền đứng dậy, ngồi thẳng, suy tư một cách sâu xa về nguồn đạo, bỏ mọi thiện ác cả trong ba cõi. Ta nay tuổi đã hơn bảy mươi chín, chỉ đoạn trừ sanh tử, hố thẳm của nẻo luân hồi, tư duy quán sát một cách sâu xa, từ Tứ thiên vương, lên đến Bát tướng nhập, từ Bát tướng chuyển trở về nơi thân, tự suy tư về thân bốn đại hiện rõ sự xấu ác, chẳng có gì là quý giá¹⁰.

⁹. Ưu-đàm-bát 優曇鉢; hay Ưu-dàm-bạt-la 優曇跋羅; Pāli: Udumbara; Skt.: Uḍumbara, cũng gọi là hoa Linh thụ.

¹⁰. Trên là quá trình xuất-nhập Thiên định trước khi Đức Phật vào Niết-bàn. Tham chiếu bản No.1(3).

Đầu Đức Phật quay về hướng Bắc, co tay làm gối, nằm nghiêng về hông bên hữu, hai gối chồng lên nhau, liền nhập Bát-nê-hoàn. Đất trời chấn động mạnh. Chư Thiên rải hương hoa, than khóc thương tiếc: ‘Đấng Pháp vương đã diệt độ, chúng ta biết nương tựa vào ai?’

Quốc vương cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin hầu như đều ngất xỉu, hướng về chỗ Phật mà than khóc: ‘Chúng sanh bị suy tổn lớn, sao mà đau đớn đến nỗi này!’ Có người chết giấc rồi sau mới tỉnh lại.

Vua Đế Thích thứ hai bảo chư Thiên: ‘Đức Phật thường dạy đã sanh ra thì không ai là không chết! Các vị hãy nhớ nghĩ đến chơn lý: Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã, đừng có than khóc nữa.’

Vị Thiên vương thứ bảy cũng hiện xuống bảo: ‘Hào quang của Phật đã tắt. Đức Phật còn phải xả bỏ thân, các vị thì mong cầu cái gì? Khóc thương thảm thiết như vậy cũng chẳng được chi cả.’

Các Tỳ-kheo thì vật vã trên mặt đất gào khóc cùng nói: ‘Con mắt của ba cõi sao mà tắt nhanh thế? Từ nay về sau, thế gian sẽ tăm tối mãi.’

Người thì đứng khóc, có người không dám nhìn vào thi thể của Đức Phật, có người suy nghĩ một cách sâu xa: Lúc Phật còn tại thế thường dạy: ‘Hễ có sanh thì có tử, khóc lóc cực thân như vậy đâu có lợi gì cho việc hiểu rõ giáo pháp.’

Tỳ-kheo A-na-luật¹¹ bảo Tôn giả A-nan:

“Thôi đi! Nay các Tỳ-kheo, không ai bảo các vị phải than khóc. Cả nhà vua và trăm quan, dân chúng, cả chư Thiên trên trời, xin hết thấy chư vị đừng quá buồn sầu xúc động nữa.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Hãy nhìn chư Thiên trên trời xem thử có bao nhiêu vị?”

Tôn giả A-na-luật nói:

“Trong chu vi bốn trăm tám mươi dặm, trước sau nối tiếp nhau đều là các vị chư Thiên tôn quý. Nếu dùng một cây kim nhỏ ném lên

¹¹. A-na-luật 阿那律; có thiên nhãn đệ nhất.

trời thì cây kim ấy cũng không có chỗ để rơi xuống đất.”

Tôn giả A-na-luật khuyên chư Thiên đừng sầu não nữa, nhưng chư Thiên càng đau lòng gấp bội. Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả A-nan:

“Đức Phật không bảo chúng ta làm công việc khâm liệm. Tôn giả hãy đến báo cho các Thệ tâm, Lý gia biết: ‘Chúng ta có thể tẩm liệm nhục thân của Đức Thế Tôn được, nhưng Đức Thế Tôn có bảo hãy để các Thệ tâm, Lý gia lo liệu công việc đó, sau này khỏi phải ân hận’.”

Tôn giả A-nan liền đến chỗ các Thệ tâm, Lý gia thuật lại sự việc như vậy. Các Thệ tâm, Lý gia khóc lóc thưa:

“Đức Thế Tôn diệt độ, chúng con hầu như bơ vơ, hàng hiểu biết lúc nào cũng một lòng gắn bó với Đức Thế Tôn.”

Có năm trăm người đến chỗ đức vua tâu:

“Xin cho chúng tôi được quyền an táng trọng thể Đức Thế Tôn.”

Nhà vua nói:

“Đức Phật mất rồi, chúng sanh cô độc! Nên giữ tâm hòa thuận, đừng tranh chấp, hãy giữ lòng hiếu thuận. Đức Phật luôn thương xót các người con của Ngài; luôn khiến cho tất cả được hưởng phước vô lượng.”

Nhà vua nói như vậy, khiến ai cũng nghẹn ngào nước mắt. Các Lý gia và dân khiêng kim sàng của Phật vào thành vua. Chư Thiên dùng lọng báu trang nghiêm che phía trên giường. Cờ phướn dẫn đường, hương hoa xen lẫn các thứ báu vật rơi xuống như tuyết. Mười hai loại nhạc đều cùng tấu lên, trời, người, rồng, quỷ chẳng ai là chẳng thương tiếc. Lý gia thưa:

“Lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn có bảo cách thức khâm liệm thi thể của Ngài như thế nào?”

A-nan đáp:

“Lúc Phật còn tại thế đã dạy: ‘Nên khâm liệm nhục thân của Ngài theo cách thức an táng Phi hành hoàng đế. Đối với Đức Phật còn hơn thế nữa’.”

Lý gia thưa:

“Phương pháp khâm liệm Phi hành hoàng đế thì như thế nào?”

Đáp:

“Dùng dạ mới quấn chặt quanh thân; dùng vải kiếp-ba mới quấn thêm một lớp nữa, rồi đặt vào trong quan tài bằng bạc. Dùng dầu thơm rải lên thân, lấy lọng báu che ở trên. Dùng hương Chiên-đàn, củi mật hương, củi cây tử, củi cây chướng chất ở phía trên dưới quan tài, bốn mặt cao rộng đều ba mươi trượng, rồi đốt lửa lên để trà-tỳ¹². Mười hai thứ âm nhạc cùng lúc hòa tấu, dùng hoa thơm tươi tốt tung rải trên cao. Trà-tỳ xong, thu lấy xá-lợi, loại bỏ tro tàn, dùng nước hoa thơm rửa thật sạch, bỏ trong bát vàng, để bát ấy trên giường bằng vàng, nên đặt trong cung, trai giới trên điện, xong chín mươi ngày thì chọn nơi ngã tư đường, dựng tháp, lập đàn tràng, treo cờ phướn, hoa hương, âm nhạc để cúng dường. Đó là phương thức an táng Phi hành hoàng đế. Đối với Đức Phật thì phải hơn thế.”

Các Thệ tâm, Lý gia rơi nước mắt, thưa:

“Dạ vâng, chúng con sẽ làm đúng như lời dạy bảo sáng suốt ấy. Xin để trong bảy ngày.”

Các Lý gia đồng thưa với vua:

“Chúng thần muốn khâm liệm thánh thể của Đức Thiên Tôn, kính mong vua chiếu cố.”

Vua đáp: “Được”.

Lý gia rước cái giường vàng trên đặt kim quan của Phật, trở lại từ cửa thành phía Tây đi vào, để giữa thành trong bảy ngày. Lúc khâm liệm Ngài có đến ba mươi vạn dân chúng. Dân chúng dùng mười hai bộ nhạc tấu lên, ngày đêm thắp đèn sáng trưng khắp cả thành chu vi mười hai dặm, mỗi bước mỗi bước đều có đèn. Vua Đế Thích thứ hai đem theo mười vạn chư Thiên, mang theo mười hai bộ danh nhạc của trời từ cõi trời Đao-lợi đến viếng Đức Phật. Hoa hương, các thứ châu báu treo ở không trung, cách mặt đất ba dặm. Chỉ có một mình trời Đế Thích đi đến hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Đức Phật có dạy bảo gì không?”

Tôn giả A-na-luật thuật lại đầy đủ những lời Đức Phật dạy cho Đế Thích. Trời Đế Thích thưa:

“Đã có đầy đủ các vật báu, kỹ nhạc, hoa hương để dùng cho việc liệm. Tôi muốn đứng ra lo việc an táng cho Đức Phật, vậy có

¹². Nguyên văn: Xà-duy 蛇維; No.2(3) sđd.: Xà-duy 闍維; hay trà-tỳ 茶持 hỏa táng; Pāli: Jhāpetī.

được không?”

Đáp:

“Xin để tôi hỏi lại”.

A-na-luật đem ý của trời Đế Thích nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan đáp:

“Khi Phật còn tại thế, Ngài không nói tới trường hợp chư Thiên và Quốc vương lo công việc khâm liệm. Ngài chỉ dành sự việc đó cho các Thệ tâm, Lý gia thôi. Vậy xin cảm ơn các vị Phạm thiên, Đế Thích. Mong chư vị hiểu rõ ý Phật. Trời Đế Thích bèn cho chư Thiên biết ý kiến của Tôn giả A-nan.”

Chư Thiên thưa:

“Bậc vua trời tôn quý của ta lo liệu công việc ấy một cách chu đáo, há không bằng người thế gian sao?”

Đáp:

“Không nên nói như vậy? Phải tuân giữ theo lời dạy của Đức Thế Tôn, cẩn thận chớ làm điều không hay.”

Các Thệ tâm, Lý gia liền thưa:

“Chúng con tính nâng cái giường xá-lợi của Đức Phật lên để đưa ra theo lối vào cửa thành phía Tây, nhưng cái giường ấy vẫn không nhúc nhích.”

Các Lý gia đồng thưa:

“Nếu cái giường không nhắc lên được thì làm sao đưa ra khỏi thành?”

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Cái giường vì sao lại không nâng lên được?”

Đáp:

“Chư Thiên vì muốn được làm công việc khâm liệm nhục thân của Đức Phật nên đã khiến cho cái giường không thể lay động.”

Tôn giả A-na-luật nói:

“Tôi sẽ nói cho Phạm, Thích cùng chư Thiên biết.”

Tức thì Tôn giả A-na-luật liền lên nói với Phạm, Thích:

“Tôn giả A-nan xin cảm ơn ý muốn lo việc tống táng của chư Thiên, nhưng việc này chính là ý của Đức Phật.”

Phạm, Thích và chư Thiên thưa:

“Chúng tôi đã mang theo dụng cụ cho việc tống táng đến đây, nên

để cho chúng tôi lo việc phía phải, còn quốc vương và dân chúng thì ở phía bên trái kim sàng của Đức Thế Tôn, dùng nhạc trời, hoa hương để tiễn đưa được không?”

Đáp:

“Tôi sẽ trở về báo lại.”

Tôn giả A-na-luật trở về, đem ý của chư Thiên nói lại đầy đủ cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nói:

“Nếu họ muốn làm công việc khâm liệm thì rõ ràng là trái với lời dạy của Đức Phật, nhưng vì lòng hiếu mà tiễn đưa thì được.”

Tôn giả A-na-luật liền báo cho Phạm, Thích biết ý kiến của Tôn giả A-nan. Chư Thiên đều hoan hỷ, liền hạ xuống đứng nơi phía bên phải kim sàng của Đức Phật. Nhà vua và dân chúng thì đứng ở phía bên trái. Lý gia thưa:

“Có thể khiêng kim sàng của Đức Phật ra cửa thành phía Tây không?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Được!”

Thế là, phía bên phải, trước là Đế Thích, sau là Phạm vương. Phía trái thì trước là Tôn giả A-nan, sau là quốc vương sở tại. Tất cả cùng đưa tay nắm lấy chân của kim sàng. Các Thệ tâm, Lý gia thì dùng lụa quấn nơi hai chân trước của kim sàng. Trời người cảm động xót thương cùng tiễn đưa. Chư Thiên, rồng, quỷ thần rải hoa, các thứ báu, danh hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng hoa tất cả đều đi theo sau. Vua và dân chúng cũng cúng dường đủ thứ như vậy. Bên trên thì trời người thương tiếc, ca ngợi công đức của Phật, dưới thì dân chúng tiếp tục hát những bài hát buồn. Trời, rồng, quỷ, thần, vua quan, dân chúng cùng một lúc bị ai, xúc động, đau lòng than: ‘Đức Phật diệt độ như vậy, chúng sanh biết nương cậy vào đâu?’

Đoàn tiễn đưa đi ra theo cửa thành phía Tây¹³, đến điện Châu-lê-ba-đàn¹⁴ có giảng đường lớn, họ để kim sàng của Đức Phật ở trên giảng đường. Các Thệ tâm, Lý gia, như lời chỉ dạy để lại của Đức Phật, dùng gấm mới quấn quanh nhục thân, lấy vải kiếp-ba một ngàn tấm quấn chéo nhau ở phía trên, rồi bỏ vào trong cái quan bằng bạc, dùng dầu

¹³. No.1(3) sdd.: ra cửa Bắc.

¹⁴. Châu-lê-ba-đàn 周黎波檀; No.2(3) sdd.: Thiên quan tự 天冠寺; hay Thiên quan miếu; Pāli: Makuta-(bandhana)-cetiya.

thơm rẫy khắp thân Ngài, dùng lọng trời che ở trên. Các Lý gia cùng đưa kim quan xuống khỏi điện, để ở giữa sân, lấy củi Chiên-đàn hương, củi mật hương, tử chương và củi chiên chất cao rộng ba mươi trượng. Trời, thần, quỷ, rồng, các vua quan, dân chúng đều lấy hoa hương tung rải trên củi. Lý gia đốt củi, lửa vẫn không cháy. Họ hỏi Tôn giả A-naluật:

“Vì cố gì mà lửa đốt không cháy?”

Đáp:

“Có bậc đệ tử kỳ cựu của Đức Phật là Tôn giả Đại Ca-diếp, đi khắp nơi để giáo hóa, nay đang trên đường trở về. Tôn giả Đại Ca-diếp dẫn hai ngàn đệ tử cùng với chư Thiên nhiều vô số, tất cả đều muốn được nhìn thấy Đức Phật một cách trọn vẹn, vì vậy nên khiến lửa không cháy.”

Lý gia thưa:

“Xin vâng theo lời dạy, chờ Tôn giả Đại Ca-diếp.”